

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án: 28 /2018/HNGĐ - PT

Ngày: 22/8/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Huyền Trân

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:

Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 đến ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “ Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cung Kim N, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 1, khóm 1, thị trấn Chi L, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Hùng T – Công ty TNHH MTV Lâm Th thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

Người phiên dịch cho bà N: bà Néang Si V – cán bộ Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1973, nơi cư trú: tổ 1, khóm 1, thị trấn Chi L, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Chau Ch, sinh 1950.

3.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh 1953.

Cùng cư trú: tổ 6, ấp Vĩnh L, xã Vĩnh Tr, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Nguyễn Thái B (Thái L), sinh 1976, nơi cư trú khóm 1, thị trấn Chi L, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

4. Nhân chứng: Bà Néang Sóc N, sinh năm 1956, nơi cư trú ấp Vĩnh T, xã Vĩnh Tr, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Cung Kim N.

(Tất cả có mặt. Riêng ông Chau Ch vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn bà Cung Kim N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Nguyễn Thái H được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chi L, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, quan điểm sống không hợp nhau. Đến năm 2010, cả hai có xảy ra xung đột và năm 2011 ông H bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thái H.

-Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung, tên Nguyễn Trúc Ph, sinh ngày 09/10/2003 và Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 17/3/2010, từ lúc ly thân đến nay cả 02 con sống với bà N. Nay bà N yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung:

Vợ chồng tạo lập căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại tổ 1, tỉnh lộ 948, khóm 1, thị trấn Chi L, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, diện tích đất 217,7m² có các loại đất (đất ở 100m², đất cây lâu năm và vườn tạp 91,4 m², đất nằm trong hành lang lộ giới 26,3m²) UBND huyện Tịnh B cấp ngày 10/12/2007 đứng tên Nguyễn Thái H và Cung Kim N.

Bà N đồng ý theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản, có yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà và đất và hoàn lại ½ giá trị tài sản chung cho ông H vì bà đang nuôi 02 con nhỏ cần nơi ở ổn định.

-Về quan hệ nợ chung:

Trước đây vợ chồng bà có thiếu nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Chi L, số nợ là 479.712.000 đồng. Sau đó, cha mẹ chồng có đứng ra thay trách nhiệm vợ chồng trả dứt nợ cho ngân hàng số tiền 285.149.000 đồng do ngân hàng có xét giảm tiền lãi suất. Vợ chồng đã nhận và giữ giấy chứng nhận QSDĐ và quyền sở hữu nhà ở. Bà N thừa nhận 285.149.000 đồng là nợ chung vợ chồng bà đồng ý chịu trách nhiệm $\frac{1}{2}$ số nợ này.

2. Bị đơn ông Nguyễn Thái H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2002, ông H có kết hôn với bà N, do làm ăn không hiệu quả nên vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn ông H đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung:

Ông bà có 02 con chung, ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, từ lúc ly thân đến nay các con đều sống cùng mẹ nên ông đồng ý giao 02 con cho vợ nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi hai con, ông sẽ chu cấp riêng cho các con.

- Về quan hệ tài sản chung:

Ông H thừa nhận tài sản chung có căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tổ 1, tỉnh lộ 948, khóm 1, thị trấn Chi L, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, diện tích đất 217,7m² do UBND huyện Tịnh B cấp ngày 10/12/2007 đứng tên Nguyễn Thái H và Cung Kim N, có giá trị chung 300.000.000 đồng. Nay ông H yêu cầu giải quyết chia đôi nhà và đất. Ông H sẽ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho bà N là 150.000.000 đồng, ông H nhận sở hữu tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung:

Vợ chồng có nợ chung, nợ vay ngân hàng do không có khả năng trả nợ nên đã bị ngân hàng khởi kiện và cơ quan thi hành án huyện Tịnh B, tỉnh An Giang phát mãi tài sản nhà và đất để thi hành nghĩa vụ trả nợ chung. Thương con Nguyễn Thái B (Thái L) là em ruột của H đang ở nhờ trong căn nhà trên đã gần 10 năm, không có chỗ buôn bán đồ phụ tùng xe nên cha mẹ là ông Chau Ch và bà Nguyễn Thị M xuất tiền ra thanh toán nợ thay cho vợ chồng nhằm mục đích giữ tài sản cho ông B tiếp tục ở buôn bán. Về số nợ thiếu ngân hàng vốn vay và lãi là 479.000.000 đồng do được xét miễn giảm lãi nên chỉ trả nợ là 285.149.000 đồng. Bà N có hứa vợ chồng sẽ làm thủ tục sang tên chuyển quyền cho cha mẹ nhưng sau đó đổi ý. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ông đang giữ bản chính. Đối với khoản nợ chung, mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ trả nợ cho cha mẹ là 142.574.000 đồng, ông H tự giải quyết trả nợ cho cha mẹ ông.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Thái B (Thái L) trình bày:

Ông là em ruột của ông Nguyễn Thái H, khi vợ chồng ông H bà N ly thân ông B về ở nhờ tại căn nhà tại khóm 1, thị trấn Chi Lăng để mua bán đồ phụ tùng xe Honda đã gần 10 năm. Ông không có yêu cầu độc lập. Ông xin không tham gia tố tụng vụ án.

3.2 Ông Chau Ch và bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ông bà thấy vợ chồng H, N đã ly thân nhau, con là Nguyễn Thái B lại không có chỗ mua bán nên ông, bà đứng ra trả nợ thay cho vợ chồng H, N để lấy lại căn nhà, trước là sẽ giữ lại cho Nguyễn Thái B mua bán làm ăn, sau là giữ lại cho Nguyễn Thái H, khi hai đứa con của Nguyễn Thái H lớn lên ông, bà sẽ cho cháu nội. Sau khi trả nợ ngân hàng số tiền 285.149.000 đồng xong thì Cung Kim N đổi ý không sang tên chuyển quyền nhà đất cho ông bà. Nay ông Chau Ch, bà M yêu cầu vợ chồng H và N trả lại số tiền nợ 285.149.000 đồng, yêu cầu N trả số tiền 142.574.000 đồng, còn H thì ông bà yêu cầu tự giải quyết với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Cung Kim N và ông Nguyễn Thái H.

-Về quan hệ con chung:

Công nhận sự thỏa thuận về con chung giữa bà Cung Kim N và ông Nguyễn Thái H về việc bà Cung Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con tên Nguyễn Trúc Ph, sinh ngày 09/10/2003 và Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 17/3/2010. Ông Nguyễn Thái H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

-Về quan hệ tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thái H về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Ông Nguyễn Thái H được sở hữu căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tổ 1, tỉnh lộ 948, khóm 1, thị trấn Chi L, huyện Tịnh B An Giang, diện tích đất 217,7m² (loại đất nằm ngoài hành lang lộ giới gồm ở 100m², đất cây lâu năm vườn tạp 91,4 m² và đất nằm trong hành lang lộ giới 26,3m²) do UBND huyện Tịnh B cấp ngày 10/12/2007 đứng tên Nguyễn Thái H và Cung Kim N.

Ông Nguyễn Thái H có nghĩa vụ hoàn trả ½ giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà cho bà Cung Kim N số tiền là 61.047.000 đồng và tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà N số tiền 88.953.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Thái H có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sang tên trước bạ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà tọa lạc tổ 1, tỉnh lộ 948, khóm 1, thị trấn Chi Lăng, huyện Tịnh B An Giang, diện tích đất 217,7m²

-Về quan hệ nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Chau Ch và Bà Nguyễn Thị M, buộc bà Cung Kim N có nghĩa vụ trả cho ông Chau Ch và Bà Nguyễn Thị M số tiền 142.574.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí:

Bà Cung Kim N phải đóng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, 3.052.000 đồng án phí chia tài sản và án phí dân sự 7.128.000 đồng, tổng cộng tiền án phí phải chịu là 10.480.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: Tu/2016/0003969 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, bà N còn phải nộp thêm 10.180.000 đồng án phí.

Ông Nguyễn Thái H phải chịu án phí 3.052.000 đồng án phí chia tài sản, được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: Tu/2016/0004024, ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, ông H còn phải nộp thêm 552.000 đồng án phí.

Hoàn trả cho ông Chau Ch, bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.566.000 đồng theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Tu/2016/0004023 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về yêu cầu thi hành án, lãi suất và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 6 năm 2018 bà Cung Kim N có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh B không kháng nghị và các đương sự còn lại không kháng cáo.

Xét đơn kháng cáo của bà Cung Kim N đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận, và phát biểu của vị Luật sư và đại diện Viện kiểm sát tỉnh An Giang. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Cung Kim N trong hạn luật định có tạm nộp án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Chau Ch có đơn xin vắng mặt nên phiên tòa xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, quan hệ cấp dưỡng nuôi con và quan hệ nợ chung, nguyên đơn và bị đơn có cung cấp chứng cứ mới.

Nhân chứng bà Néang Sóc N là mẹ của bà N đồng ý cho con mượn tiền để thực hiện nghĩa vụ nhưng bà không cung cấp được chứng cứ về khả năng tài chính, bà sẽ hỏi mượn của anh em khác của bà.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N phát biểu quan điểm:

Đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận giữa các bên về cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung, về giá trị tài sản chung. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N vì có căn cứ, hiện tại bà N và 02 con đang ở tạm trú nhà của cha mẹ ruột mới xây dựng xong và nhà đang bị cha tranh chấp đòi lại nhà nên hiện nay chị và các con đang gặp khó khăn về nơi ở ổn định. Bà N nhận nhà và đất để ổn định nuôi con và giao lại 155.000.000 đồng cho ông H, trả nợ cho bà M và ông Ch là phù hợp pháp luật và đạo lý. Bà N là mẹ của bà N có hứa sẽ cho bà N mượn tiền nên bà có khả năng thực hiện nghĩa vụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng vụ án:

Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cung Kim N, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B. Nội dung công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng. Về chi phí tố tụng khác ông H tự nguyện chịu và đã đóng tạm ứng 1.200.000 đồng. Giá trị tài sản nhà và đất nâng giá trị 310.000.000 đồng. Bà N tự nguyện trả nợ 150.000.000 đồng cho cha mẹ chồng vào ngày 22/10/2018. Ông Ch và bà M tặng cho bà N và cháu nội 15.000.000 đồng được khấu trừ vào nợ chung nên số tiền bà N còn phải trả là 135.000.000 đồng. Yêu cầu kháng cáo của bà N yêu cầu được nhận nhà và đất để ổn định cuộc sống với các con giao lại ½ giá trị tài sản cho ông

H là không có căn cứ do bà không chứng minh có khả năng tài chính và bà Neáng Sốc N là mẹ ruột với tư cách là nhân chứng có hứa sẽ cho con mượn tiền nhưng bà cũng không chứng minh được khả năng tài chính và không có căn cứ để buộc bà N thay nghĩa vụ của bà N khi bà không thực hiện việc cho mượn tiền, hiện tại bà N và các con không còn ở trong nhà từ năm 2017 đến ở nhờ nhà của ông bà ngoại đến nay nên không có khó khăn về chỗ ở.

Xét nội dung của vụ án và căn cứ lời khai nhận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, kết quả tranh luận và phát biểu của Luật sư và của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy :

[1]Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được hướng giải quyết vụ án nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân và quan hệ nuôi con chung bà N và ông H không thay đổi ý kiến và không kháng cáo nên không xem xét.

- Về quan hệ con chung:

Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng, thực hiện kể từ ngày 22/8/2018 cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động, yêu cầu của ông bà N đồng ý nên được chấp nhận.

- Về quan hệ nợ chung:

Giữa bà N và ông Chau Ch và bà Nguyễn Thị M thỏa thuận, bà N trả cho ông Ch và bà M 150.000.000 đồng. Ông Ch và bà M tự nguyện tặng cho bà N và 02 cháu số tiền 15.000.000 đồng khấu trừ vào nợ nên số tiền bà N phải trả 135.000.000 đồng vào ngày 22/10/2018. Sự thỏa thuận phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

- Về chi phí tố tụng khác :

Ông H tự nguyện chịu chi phí tố tụng khác số tiền 1.200.000 đồng, ông đã đóng tạm ứng đủ nên không xem xét.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bà N :

Bà N yêu cầu nhận nhà và đất có giá trị 310.000.000 đồng. Bà giao lại cho ông H giá trị 155.000.000 đồng vào ngày 22/10/2018. Nguồn tiền bà sẽ mượn mẹ ruột, hiện tại bà không chứng minh được khả năng tài chính, thu nhập lao động bình quân của bà 6.000.000 đồng/ tháng. Hiện nay bà và 02 con đang tạm trú tại nhà của cha mẹ bà từ năm 2017 đến nay.

Nhận thấy, yêu cầu được nhận nhà và đất để ổn định cuộc sống của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp vì cả hai đều có yêu cầu ổn định cuộc sống. Truy nhiên xét điều kiện của bà N khi nhận tài sản chung bà phải có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị tài sản chung cho ông H và thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung. Thực tế bà N và ông H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung đối với ngân hàng nên đã bị khởi kiện và cơ quan Thi hành án đã phải phát mãi tài sản nhà và đất để thi hành bản án có

hiệu lực. Chính ông Ch và bà M thương con nên đã bán hết đất nông nghiệp đang canh tác để có tiền thay nghĩa vụ trả nợ của con để giữ lại nhà đất. Hiện tại nhà ông B ở quản lý bà N và 02 con không ở quản lý từ năm 2017 đến nay. Yêu cầu khởi kiện của bà N do không có căn cứ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận, giao nhà và đất cho ông H sở hữu và hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho bà N là có căn cứ.

Bà N kháng cáo yêu cầu được nhận nhà và đất và bà có cung cấp được B bản hòa giải cơ sở thể hiện cha mẹ bà đang có yêu cầu đòi lại nhà mới xây dựng không cho bà và các con tạm trú nữa nên tương lai bà và các con khó khăn về nơi ở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N không chứng minh được bà hiện tại có khả năng tài chính, bà Néang Sóc N mẹ của bà N có hứa sẽ cho con mượn tiền nhưng bà cũng không chứng minh được hiện tại bà có khả năng tài chính để cho con mượn tiền. Bà là nhân chứng trong vụ án nên không buộc trách nhiệm của bà đối với bà N trong giai đoạn thi hành án. Như vậy, sẽ lập lại tình trạng bà N không có khả năng tài chính để thực hiện trách nhiệm trả nợ dẫn đến tình trạng cơ quan Thi hành án phải phát mãi tài sản. Do đó yêu cầu kháng cáo bà N không có căn cứ nên không chấp nhận. Ông H sở hữu tài sản chung nhà và đất, ông có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà N sở hữu.

- Về nhu cầu thời gian tạm trú, do bà N không quản lý nhà nên không xem xét. Ông B đang quản lý nhà nhưng giữa ông và ông H yêu cầu tự giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự :

- Về án phí sơ thẩm:

Bà Cung Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, phải chịu 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí của tài sản chung được chia, phải chịu 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí nợ chung. Tổng cộng tiền án phí phải chịu là 14.800.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

Trả lại cho bà N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số Tu/2016/0003969 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thái H phải chịu 7.750.000 (Bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí của tài sản chung được chia, phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Tổng cộng tiền án phí phải chịu là 8.050.000 đồng (Tám triệu không trăm năm mươi ngàn đồng)

Trả lại cho ông H số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số Tu/2016/0004024, ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Trả lại cho ông Chau Ch và bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.566.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số Tu/2016/0004023 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

-Về án pphúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;
- Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2018/HNGĐ-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh B, tỉnh An Giang. Nội dung:

“ 1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Cung Kim N, ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị M :

-Ông Nguyễn Thái H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con tên Nguyễn Trức Ph sinh ngày 09/10/2003 và tên Nguyễn Phúc Đ sinh ngày 17/3/2010. Mỗi con cấp dưỡng 1.000.000 đồng / tháng (Một triệu đồng). Thời gian thực hiện kể từ ngày 22/8/2018 cho đến khi 02 con thành niên và có khả năng lao động.

- Bà Nguyễn Thị M tự nguyện tặng cho bà Cung Kim N và 02 cháu Nguyễn Trức Ph và Nguyễn Phúc Đ số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) được trừ vào số tiền bà Cung Kim N hoàn trả cho ông Chau Ch và bà Nguyễn Thị M 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) nên số tiền bà N còn phải trả là 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) vào ngày 22/8/2018.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Cung Kim N:

- Ông Nguyễn Thái H được sở hữu căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tổ 1, tỉnh lộ 948, khóm 1, thị trấn Chi L, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang, diện tích đất 217,7m² (loại đất nằm ngoài hành lang lộ giới gồm ở 100m², đất cây lâu năm vườn tạp 91,4 m² và đất nằm trong hành lang lộ giới 26,3m²) do UBND huyện Tịnh B cấp ngày 10/12/2007 đứng tên Nguyễn Thái H và Cung Kim N. Tài sản có giá trị chung 310.00.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

- Ông Nguyễn Thái H có nghĩa vụ giao lại cho bà Cung Kim N sở hữu số tiền là 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

- Ông Nguyễn Thái H liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu tài sản nhà đất theo quy định pháp luật.

3.Về án phí dân sự :

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Cung Kim N phải chịu 14.800.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

-Trả lại cho bà N số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số Tu/2016/0003969 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

-Ông Nguyễn Thái H phải chịu 8.050.000 đồng. (Tám triệu không trăm năm chục ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

-Trả lại cho ông H số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lai thu tạm ứng số Tu/2016/0004024, ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

-Trả lại cho ông Chau Ch và bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.566.000 đồng (Ba triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng số Tu/2016/0004023 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả lại cho bà Cung Kim N 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004222 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh B, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Huyền Trân

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao;
- VKSND.AG;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự “Để thi hành”;
- Lưu hồ sơ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Huyền Trân